TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/DS-ST
Ngày: 29-3-2023
"V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN – TỈNH AN GIANG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nữ Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Văn Dũng

Bà Chế Thị Hồng Cẩm

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kim Liệu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Trầm Ngọc Minh Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét sử sơ thẩm công khai vụ kiện thụ lý số 322/2022/TLDS–ST, ngày 30 tháng 12 năm 2022 về " Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét sử số 13/2023/ QĐXX, ngày 02 tháng 3 năm 2023; thông báo dời phiên tòa số 07/2023/TB-TA, ngày 20 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Lưu Thị Tuyết H, sinh năm 1959;

Hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang; chổ ở hiện nay: Tổ 05, ấp V, xã P, huyện T, tỉnh An Giang, (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thúy H, sinh năm 1982; HKTT: Ấp P, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang; chổ ở hiện nay: Tổ 05, ấp V, xã P, huyện T, tỉnh An Giang, (có mặt)

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Tổ 05, ấp V, xã P, huyện T, tỉnh An Giang, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28-7-2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Trần Thúy H trình bày: Vào khoảng năm 2016,

2017 bà Lưu Thị Tuyết H có bán thuốc vật tư nông nghiệp cho ông Nguyễn Thanh T nhiều lần, hai bên không làm hợp đồng. Quá trình mua bán ông T mua hàng có trả tiền, đến khoảng tháng 03-2018 sau khi kết sổ ông T còn nợ lại bà H số tiền 191.915.000 đồng, sau đó ông T có trả nhiều lần được 54.000.000 đồng, tính đến ngày 29-5-2021 ông T còn nợ số tiền 137.915.000 đồng, bà H đã nhiều lần nhắc nhỡ, nhưng ông T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Nay bà yêu cầu ông T trả số tiền 137.915.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ 19-3-2018 đến thời điểm xét xử.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày: Ông thừa nhận có mua thuốc vật tư nông nghiệp của bà Lưu Thị Tuyết H vào khoảng năm 2016, 2017, ông mua nhiều lần và có trả tiền cho bà H, đến nay ông còn nợ lại số tiền 137.915.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn nên ông không trả đúng hẹn. Nay ông đồng ý trả số tiền 137.915.000 đồng, xin được trả dần theo vụ lúa.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng ông Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp nhưng không tham gia phiên hòa giải, do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa,

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Bà Trần Thúy H yêu cầu ông Nguyễn Thanh T trả số tiền số tiền 137.915.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Ông Nguyễn Thanh T thừa nhận còn nợ của bà Lưu Thị Tuyết H số tiền 137.915.000 đồng, ông T xin trả dần cho bà H theo mùa vụ lúa và số tiền trả cụ thể dựa theo việc canh tác đất ruộng có lời hoặc sẽ bán nền nhà cho bà H theo giá thỏa thuận.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về việc chấp hành pháp luật: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

- Về ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ bản tự khai ngày 17-01-2023, ông T thừa nhận có nợ tiền mua vật tư nông nghiệp của bà H để canh tác đất ruộng và thống nhất còn nợ bà H số tiền 137.915.000 đồng. Nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên ông T xin trả dần cho bà H theo mùa vụ và số tiền trả cụ thể dựa theo việc canh tác đất ruộng có lời hoặc sẽ bán nền nhà cho bà H theo giá thỏa thuận.

Nhận thấy, mặc dù việc mua bán không làm hợp đồng, chỉ thỏa thuận mua bán với nhau nhưng phía ông T đã thừa nhận có việc mua vật tư của bà H và thống nhất nợ

số tiền như bà H yêu cầu nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H. Buộc ông T trả cho bà H với số tiền 137.915.000 đồng.

Ngoài ra, ông T xin trả dần cho bà H theo mùa vụ và số tiền trả cụ thể dựa theo việc canh tác đất ruộng có lời hoặc sẽ bán nền nhà cho bà H theo giá thỏa thuận, không được nguyên đơn chấp nhận nên không xem xét đối với yêu cầu này.

Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của bà H buộc ông T phải trả cho bà H số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ 137.915.000 đồng.

Ông T phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá về vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nội dung mà các bên đương sự tranh chấp liên quan đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng mua bán là loại tranh chấp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn ông Nguyễn Thanh T có nơi cư trú tại xã Vĩnh Phước, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Toà án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung tranh chấp: Bà Lưu Thị Tuyết H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thanh T phải trả số tiền 137.915.000 đồng tiền mua thuốc bảo vệ thực vật. Hội đồng xét xử xét thấy, giao dịch mua bán giữa các bên tuy không được xác lập bằng hình thức văn bản. Nhưng qua lời khai và quá trình tố tụng tại Tòa thì các bên đều thừa nhận có mua bán với nhau. Bị đơn ông T thừa nhận có mua vật tư nông nghiệp của bà Lưu Thị Tuyết H, còn nợ số tiền 137.915.000 đồng. Từ đó đủ cơ sở để xác định giữa bà Lưu Thị Tuyết H và ông Nguyễn Thanh T đã có thỏa thuận xác lập mua bán.

Trong giao dịch này bà H là người bán đã giao đủ, đúng số lượng, chất lượng cho ông T. Lẽ ra bên mua là ông T nhận đủ hàng phải có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thỏa thuận cho bên bán là bà H. Tuy nhiên, bên mua ông T không hoàn thành nghĩa vụ trả nợ của mình, do vậy bà Lưu Thị Tuyết H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thanh T phải trả số tiền 137.915.000 đồng là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 433, Điều 440 Bộ luật dân sự.

[3] Về yêu cầu tính tiền lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ, tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bà H không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với yêu cầu của ông T về việc xin trả dần cho bà H theo mùa vụ và số tiền trả cụ thể dựa theo việc canh tác đất ruộng có lời hoặc sẽ bán nền nhà cho bà H theo giá thỏa thuận, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này không được người đại diện hợp

pháp của bà H đồng ý. Do vậy Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của ông T.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà Lưu Thị Tuyết H được chấp nhận nên bà H không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm và ông Nguyễn Thanh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 430; Điều 433; Điều 440 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Tuyết H đối với ông Nguyễn Thanh T về "Tranh chấp hợp đồng mua bán".

Buộc ông Nguyễn Thanh T có trách nhiệm phải trả cho bà Lưu Thị Tuyết H tiền mua vật tư nông nghiệp với số tiền 137.915.000 đồng (một trăm ba mươi bảy triệu, chín trăm mười lăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Về án phí:

Ông Nguyễn Thanh T phải chịu 6.859.750 đồng (Sáu triệu tám trăm năm mươi chín ngàn bảy trăm năm mươi đồng) phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lưu Thị Tuyết H được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 2 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Tri Tôn;
- Chi Cục THADS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Nữ Ngọc Lan